

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 155/2022/HNGĐ-ST

Ngày 13 - 7 - 2022

“V/v xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Sĩ Hùng
Ông Trịnh Anh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc – Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 283/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, (Nguyễn Thị U) sinh năm 1973. Có mặt
Cư trú tại: Nhà không số, đường X, khóm 4, phường 6, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Út H, sinh năm 1968. Có mặt
Cư trú tại: Nhà không số, đường X, khóm 4, phường 6, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa như sau:

- Về hôn nhân: Bà và ông Huỳnh Út H chung sống với nhau vào năm 1999 có tổ chức cưới gả nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, do ông H thường xuyên nhậu nhẹt không chăm lo gia đình. Bà xác định hiện vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, bà không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu ly hôn với ông H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Trí S, sinh ngày 15/9/2000 và Huỳnh Hữu Q sinh ngày 13/8/2008, hiện đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu nuôi Huỳnh Hữu Q, không yêu cầu ông H cấp dưỡng. Đối với Huỳnh Trí S đã trưởng thành không đặt ra việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Bà xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà khai không có nợ chung.

Bị đơn ông Huỳnh Út H trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau:

- Về hôn nhân: Ông xác định ông và bà Nguyễn Thị B chung sống năm 1999 đúng như bà B trình bày, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do không hợp nhau. Hiện bà B yêu cầu ly hôn ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Trí S, sinh ngày 15/9/2000 và Huỳnh Hữu Q, sinh ngày 13/8/2008. Khi ly hôn, ông đồng ý giao Huỳnh Hữu Q cho bà B nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Đối với Huỳnh Trí S đã trưởng thành không đặt ra việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Ông xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông khai vợ chồng không có nợ chung.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị B và ông Huỳnh Út H được xác định là tranh chấp về ly hôn, bị đơn ông Huỳnh Út H có nơi cư trú tại phường 6, thành phố Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà B và ông H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa bà B và ông H đã vi phạm pháp luật về mặt hình thức. Quá trình chung sống do có mâu thuẫn, nên bà B yêu cầu xin ly hôn, ông H đồng ý. Nên căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông H không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà B và ông H có 02 con chung tên Huỳnh Trí S, sinh ngày 15/9/2000 và Huỳnh Hữu Q, sinh ngày 13/8/2008. Khi ly hôn, bà B và ông H thỏa thuận giao Huỳnh Hữu Q cho bà B nuôi dưỡng. Đối với Huỳnh Trí S đã trưởng thành không đặt ra việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận của bà B và ông H phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với ý kiến nguyện vọng của cháu Huỳnh Hữu Q nên Hội đồng xét xử ghi nhận tiếp tục giao con chung Huỳnh Hữu Q cho bà B trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Đối với Huỳnh Trí S đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét về trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con đối với Huỳnh Hữu Q: Bà B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Bà B và ông H xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà B và ông H khai không nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà B phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 51, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị B và ông Huỳnh Út H là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung Huỳnh Hữu Q, sinh ngày 13/8/2008 cho bà Nguyễn Thị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với Huỳnh Trí S, sinh ngày 15/9/2000 đã trưởng thành không đặt ra việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về cấp dưỡng Huỳnh Hữu Q: Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Huỳnh Út H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị B phải chịu. Bà B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0001396 vào ngày 23/5/2022, được chuyển thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Toà án Tp Cà Mau.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Kim Cương